

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐ-ST ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Yên 3, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, Bắc Giang

Địa chỉ: Số 9, ngõ 304, đường L, thành phố T, huyện Miaoli, Đài Loan.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản giấy tờ của chị Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đào Kim H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện L, Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Kim T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/2/2023, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Đào Kim H có tìm hiểu xét thấy có tình cảm nên anh chị đã tự nguyện, tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị và anh H kết hôn ngày 10/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2016 thì anh H đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 thì chị cũng sang Đài Loan nhưng không chung sống cùng nhau, ban đầu khi mới sang Đài Loan vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, qua lại thăm nom nhau nhưng một khoảng thời gian sau khoảng 2-3 năm gần đây thì vợ chồng ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Hiện nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Chị và anh H đã sống ly thân 2-3 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Kim H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được giao cả hai con cho anh H nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao cháu Đào Kim Minh Q, cháu Đào Kim Đ cho ông Đào Kim T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh H ở nước ngoài. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh H vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc với anh H, anh H vẫn liên lạc về cho bố mẹ để anh H là ông Đào Kim T, sinh năm 1953, trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh H thông qua bố mẹ đẻ của anh H.

Hiện nay chị vẫn đang lao động tại Đài Loan, chị về Việt Nam nghỉ phép để giải quyết việc ly hôn, nên thời gian nghỉ phép không lâu chị phải quay về Đài Loan làm việc, nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đào Kim H.

Chị cũng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964; địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và ông T thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Đào Kim H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, Tòa án đã làm việc thông qua người thân và yêu cầu thông báo cho anh H gửi bản tự khai về Tòa án, nhưng từ đó đến nay Tòa án không nhận được bản tự khai của anh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Kim T cung cấp như sau: Ông là bố đẻ anh Đào Kim H, hiện nay con trai ông đang đi lao động nước ngoài, không có mặt ở địa phương, con ông vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại và mạng xã hội, về địa chỉ nước ngoài của anh H ông không biết và không cung cấp cho Tòa án được, gia đình ông đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, anh H thông tin lại như sau:

Về việc chị H xin ly hôn anh H thì quan điểm của anh H và gia đình là khi nào anh H về nước thì mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị H có hai con chung là cháu Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đ, sinh ngày 06/8/2013, trường hợp phải ly hôn thì anh H và gia đình ông đồng ý nhận nuôi hai cháu trong thời gian anh H đi nước ngoài, về cấp dưỡng nuôi con gia đình không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, anh H hàng tháng vẫn gửi tiền về gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Gia đình cam kết sẽ nuôi hai cháu tốt trong thời gian anh H, chị H ở nước ngoài. Gia đình từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án vì đây là việc riêng của anh H, chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của hai cháu Đào Kim Minh Q và cháu Đào Kim Đ đều trình bày: Các cháu là con của bố Đào Kim H và mẹ Nguyễn Thị H, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố là Đào Kim H và ông bà nội. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố cháu là Đào Kim H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đào Kim H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Kim T vắng mặt.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh H là ông Đào Kim T; Biên bản ghi lời khai của cháu Đào Kim Minh Q và cháu Đào Kim Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Đào Kim H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh H là đúng, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt

chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, điều 104, khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Kim H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Đào Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho ông Đào Kim T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh H ở nước ngoài. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

Đối với bị đơn anh Đào Kim H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh H là ông Đào Kim T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Thu thông báo cho anh H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào Kim H; Yêu cầu anh H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Ông Đào Kim T trình bày: Anh H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh H cho Tòa án, cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào Kim H theo thủ tục chung.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Kim T, Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 9, ngõ 304, đường L, thành phố T, huyện M, Đài Loan, chị H khởi kiện xin ly anh Đào Kim H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 4663/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/3/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh H đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 07/7/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh H ở Việt Nam là: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Do nguyên đơn chị H và bị đơn anh H đều đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Kim H có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2009 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được UBND xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị H anh H phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đào Kim H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh H chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 anh H đi xuất khẩu lao động, năm 2017 thì chị H cũng đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu khi sang nước ngoài thì vợ chồng có hỏi thăm nhau, nhưng khoảng 2-3 năm nay thì vợ chồng ít liên lạc và sau đó không còn liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm chăm sóc ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng của người, mặt khác cả chị H và anh H đều đang lao động ở nước ngoài nên cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách. Xét thấy tình cảm giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử lý cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Kim H.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Kim H có 02 con chung là cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013. Hiện nay cả hai con chung đang ở ông nội là bố đẻ anh H (ông Đào Kim T). Ly hôn chị H đề nghị giao cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Đào Kim H và gia đình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, các con chung của chị H, anh H đều có nguyện vọng được ở cùng bố và ông nội. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi anh H, chị H đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu Đào Kim Minh Q và cháu Đào Kim Đ vẫn ở cùng với anh H và ông bà nội (ông Thu)

các cháu được ông, bà nội chăm sóc phát triển bình thường. Anh H, chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông T để chăm sóc các cháu, thường xuyên liên lạc về hỏi thăm và động viên các cháu. Chị H hiện cũng đang lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, chị H đề nghị giao con chung là cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Đào Kim H và gia đình anh H nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Q và cháu Đ, cũng như nguyện vọng của hai con chung. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Giao con chung là cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Đào Kim H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên, hiện nay anh H, chị H đang đi lao động tại nước ngoài nên tạm giao cho ông Đào Kim T là bố đẻ anh H và là ông nội của cháu Q và cháu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài là phù hợp Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình vì đây là quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu chưa thành niên. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H, anh H, ông Thu không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Kim H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đào Kim Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Đào Kim Đ, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Đào Kim H nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Đào Kim Minh Q và cháu Đào Kim Đ cho ông Đào Kim T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Đào Kim H ở nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000884 ngày 01/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H, anh Đào Kim H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Kim T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

